

Dự án Quản lý bền vững
nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung



Báo cáo

Phát triển Kinh tế Địa phương (LED) tại tỉnh Quảng Bình

Eberhard Baerenz

Tháng 6, 2005



Những chữ viết tắt

Bộ KH&ĐT	-	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
CDP	-	Lập kế hoạch phát triển cấp xã
CEFE	-	(viết tắt của 4 chữ cái đầu của: Competency based Economies through Formation of Enterprise) là một mô hình đào tạo kỹ năng kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ
Dự án ATLT QB	-	Dự án An toàn Lương thực Quảng Bình
Dự án QLBV NTNTN-MT-	-	Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung
GTZ	-	Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
LSNG	-	Lâm sản ngoài gỗ
NGO	-	Tổ chức phi chính phủ
PACA	-	Đánh giá Lợi thế Cạnh tranh có sự tham gia
PPP	-	Tăng cường mối quan hệ đối tác giữa công cộng và tư nhân
PT&PTTT	-	Phân tích và Phát triển Thị trường (phương pháp được dự án áp dụng trong xác định các hoạt động tạo thu nhập từ phi nông nghiệp)
PTKTĐP	-	Phát triển Kinh tế Địa phương (một phương pháp mang tính hệ thống)
QLRCĐ	-	Quản lý rừng cộng đồng
SIYB	-	Khởi sự và nâng cao doanh nghiệp (công cụ tập huấn kinh doanh có tính hệ thống)
Sở KH&ĐT	-	Sở Kế hoạch và Đầu tư
VDP	-	Lập kế hoạch Phát triển thôn, bản (phương pháp có hệ thống được áp dụng trong dự án)

1. Tóm tắt

Các hộ gia đình nông thôn miền núi thuộc khu vực Miền Trung Việt Nam có thể làm gì để kiếm sống và có được mức thu nhập tối thiểu mà không tàn phá nguồn tài nguyên thiên nhiên của chính mình trong tương lai? Việc tìm kiếm các giải pháp về quản lý tài nguyên bền vững là mục tiêu của Dự án hợp tác song phương Việt - Đức “Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung” (QLBV NTNTN MT). Việc tăng cường các hoạt động tạo thu nhập ngoài nông nghiệp và lâm nghiệp - một trong bốn hợp phần của Dự án – đóng vai trò ngày càng quan trọng bởi vì các nguồn đất đai hiện có hầu hết đã được đưa vào sử dụng, dưới áp lực của tốc độ tăng trưởng dân số hàng năm là 1.7%.

Chuyển công tác của chuyên gia tư vấn có hai nhiệm vụ chính: giới thiệu về phương pháp lập kế hoạch chiến lược Phát triển Kinh tế Địa phương (PTKTĐP) tại cấp tỉnh và xây dựng khung nguyên lý và điều chỉnh chiến lược thực hiện đối với hợp phần tạo thu nhập từ phi nông nghiệp.

Dự án QLBV NTNTN MT đã đóng góp vào công tác phát triển kinh tế tổng thể của tỉnh thông qua việc giới thiệu về phương pháp lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP - một phương pháp lập kế hoạch đổi mới và dựa trên cơ sở có sự tham gia. Hội thảo cấp tỉnh về Lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP đã được tổ chức từ 10 – 12 tháng 3 năm 2005, với sự tham gia của các đại diện của hơn 40 các bên liên quan, bao gồm những đối tượng có vai trò quan trọng trong lĩnh vực kinh tế và chính sách của tỉnh Quảng Bình. Hội thảo đã thu được kết quả thành công với việc giới thiệu phương pháp mới trong lập kế hoạch và dự thảo được 7 dự án nhằm mục tiêu tăng cường phát triển kinh tế của tỉnh. Các đại biểu tham dự đánh giá cao phương pháp mới trong lập kế hoạch PTKTĐP và xem đó là một bước bổ sung có giá trị đối với các quy trình lập kế hoạch truyền thống hiện đang được áp dụng của tỉnh.

Dự án QLBV NTNTN MT đã chọn ra một phương pháp lập kế hoạch khác với phương pháp Đánh giá lợi thế cạnh tranh có sự tham gia (PACA) – phương pháp đã được áp dụng trong phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Ưu điểm của phương pháp mà Dự án áp dụng là nhằm xây dựng chiến lược chung kết hợp với ít nguồn lực hơn đối với quy trình lập kế hoạch; nó cho phép áp dụng và lồng ghép nhanh hơn vào quy trình lập kế hoạch truyền thống. Việc thực hiện các dự án đã được đưa ra trong hội thảo không phải và không thể là nhiệm vụ của Dự án QLBV NTNTN MT mà là trách nhiệm chung của các cơ quan, ban ngành khác nhau. Hội thảo đã khởi động một phương pháp lập kế hoạch đảm bảo có sự tham gia hơn, hướng đến tăng cường quá trình phát triển kinh tế. Các dự án đã được xây dựng qua hội thảo cũng như phương pháp PTKTĐP có sự tham gia đã được giới thiệu cần được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Dự án QLBV NTNTN MT có thể hỗ trợ các ban ngành của tỉnh trong các bước tiếp theo.

Đối với Dự án QLBV NTNTN MT, theo kết quả của chuyển công tác thì những kiến nghị dưới đây được cần được áp dụng trong khung nguyên lý với 2 hướng thực hiện:

1. tiếp tục áp dụng phương pháp Phân tích và Phát triển Thị trường (PT&PTTT) nhằm tăng cường phát triển các sản phẩm cụ thể đã được xác định, và
2. giới thiệu phương pháp lập kế hoạch PTKTĐP tại cấp huyện, trước tiên là tại huyện Tuyên Hóa, nhằm đánh giá tính hiệu quả của phương pháp trong phát triển kinh tế địa phương trên diện rộng nhưng mang tính chặt chẽ.

Kế hoạch hoạt động hiện tại đã được chỉnh sửa và có xem xét đến hai cách tiếp cận nói trên. Nó bao gồm các công cụ thực hiện khác nhau nhằm đánh giá được giá trị và hiệu quả của các hoạt động dự án sau này.

2. Giới thiệu

Dự án “Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung” là dự án tiếp nối dự án An toàn Lương thực Quảng Bình (ATLT QB) được thực hiện từ năm 1996 – 2002 tại hai huyện thí điểm Tuyên Hóa và Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Xét về mục tiêu tổng thể Dự án hướng đến đóng góp vào việc cải thiện điều kiện sống của người dân tại các vùng miền núi. Mục đích của Dự án:

“Các đối tượng tham gia dự án trong vùng dự án quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên”.

Chiến lược thực hiện chung của dự án là củng cố những thành quả của Dự án ATLT QB và phát triển thêm các kết quả cụ thể ở các lĩnh vực (các kết quả mong đợi của Dự án) về

- i) lập kế hoạch phát triển thôn, xã dựa vào cộng đồng (VDP),
- ii) áp dụng các hệ thống canh tác phù hợp,
- iii) quản lý rừng dựa vào cộng đồng (QLRCĐ), và
- iv) tăng cường các cơ hội tạo thu nhập thông qua chế biến và tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ (LSNG).

Kết quả iv) tăng tầm quan trọng đối với các hoạt động tạo thu nhập bởi các nhóm mục tiêu. Các nguồn tài nguyên lâm nghiệp và nông nghiệp đã và đang được khai thác, sử dụng – mà không có khả năng có thêm diện tích đất cũng như tiềm năng lớn về tăng cường các hoạt động. Nếu xem xét tỷ lệ tăng dân số trung bình của Việt Nam là 1.7% p.a. – chắc chắn tỷ lệ này cao hơn ở các vùng nông thôn – thì việc tạo thu nhập và tạo việc làm từ các nguồn khác cần phải tăng cường hơn nữa.

Dự án đã thực hiện một số hoạt động nỗ lực mang tính hệ thống nhằm xác định và xây dựng các giải pháp tạo thu nhập thay thế. Mặc dầu hợp phần này chưa có khung nguyên lý định hướng các hoạt động tổng thể; tuy nhiên nó hướng đến đóng góp vào việc phát triển kinh tế của tỉnh nói chung thông qua giới thiệu quy trình lập kế hoạch chiến lược về PTKTĐP.

Mục tiêu:

“Mục tiêu của chuyển công tác là - phối hợp với các cán bộ dự án, các đối tác và các nhóm mục tiêu - xây dựng khung nguyên lý và chỉnh sửa chiến lược thực hiện cho Kết quả 4. Theo kết quả đánh giá ban đầu, khung nguyên lý có khả năng dựa trên bản sửa đổi về PTKTĐP trên cơ sở tình hình của địa phương nhưng có thể đưa vào các phương pháp về Phân tích và Phát triển thị trường, CEFÉ, PACA, chuỗi giá trị gia tăng, tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa công cộng và tư nhân, Lập kế hoạch phát triển thôn bản (VDP), phát triển LSNG và các công cụ phù hợp khác. Chiến lược thực hiện cần phải mang tính thực tế cao, có xem xét đến năng lực thực tế của cán bộ dự án, các đối tác và các nhóm mục tiêu. Chiến lược sẽ được bổ sung với các kế hoạch hoạt động chi tiết và kế hoạch đào tạo” (Xem tham chiếu nhiệm vụ tại [phụ lục 1](#)).

Chuyến công tác có hai nhiệm vụ chính, ảnh hưởng đến nhau nhưng không liên quan trực tiếp với nhau:

- a. tổ chức và tổng hợp tài liệu Hội thảo cấp tỉnh về Lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP, và
- b. xây dựng khung nguyên lý và chiến lược thực hiện kết quả 4 của Dự án

Vì thế, báo cáo này được chia làm hai phần với hai nhiệm vụ trên.

Tư vấn xin chân thành cảm ơn đội ngũ cán bộ Dự án QLBV NNTN MT, đặc biệt, là ông Phạm Văn Hồng¹ và ông Trang Hiếu Tường² về những đóng góp chuyên môn và sự phối hợp nhiệt tình trong chuyến công tác của tư vấn.

¹ Cán bộ xúc tiến Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) – tư vấn trong nước – hongpv@vcci.com.vn

² Cán bộ dự án phụ trách kết quả về tạo thu nhập – tuong.trang@smnr-cv.org.vn

3. Hội thảo PTKTĐP

Phát triển Kinh tế Địa phương (PTKTĐP) là một quá trình có sự tham gia mà ở đó người dân địa phương từ mọi ban ngành cùng nhau thúc đẩy hoạt động thương mại của địa phương nhằm hướng đến một nền kinh tế phục hồi nhanh và bền vững. Đây là một công cụ hỗ trợ tạo ra việc làm tốt và cải thiện chất lượng cuộc sống cho mọi người, bao gồm cả những người nghèo và những người thường bị thiệt thòi.

PTKTĐP có thể được áp dụng ở các vùng khác nhau và các cấp kinh tế khác nhau. Hội thảo tại tỉnh Quảng Bình nhằm mục tiêu:

- giới thiệu công cụ lập kế hoạch chiến lược tại cấp tỉnh,
- tạo cơ sở để áp dụng phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia cao hơn và mạnh tính điều phối rộng hơn bởi các bên liên quan chính trên địa bàn tỉnh, và
- truyền tải thông tin về phương pháp PTKTĐP và giá trị đóng góp của phương pháp này đối với phát triển kinh tế.

3.1. PTKTĐP và công tác chuẩn bị Hội thảo

Tất cả các bước chuẩn bị Hội thảo đã được dự án sắp xếp, bao gồm:

- chuẩn bị cẩm nang hướng dẫn về PTKTĐP³, làm định hướng cho các thành viên hướng dẫn Hội thảo,
- chuẩn bị tài liệu về PTKTĐP – làm tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay cho các đại biểu tham dự hội thảo,
- chuẩn bị tài liệu phân tích các bên liên quan,
- chuẩn bị tài liệu phân tích tình hình,
- tổ chức cuộc họp trao đổi và thảo luận về các thông tin liên quan tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KHĐT),
- lên chương trình hội thảo tổng thể cho các đại biểu tham dự (xem [phụ lục 2](#)), và chương trình hội thảo cụ thể cho các thành viên hướng dẫn hội thảo (xem [phụ lục 3](#)),
- gửi giấy mời các tất cả các bên chính liên quan đến phát triển kinh tế chiến lược trong tỉnh Quảng Bình,
- sắp xếp địa điểm hội thảo, và
- chuẩn bị tất cả các tài liệu hội thảo.

³ Có thể liên hệ Dự án QL BV NTNTN MT để có bản Cẩm nang hướng dẫn này (cẩm nang dài 30 trang, quá dài để đưa vào phần Phụ lục của báo cáo này).

Tất cả các bước chuẩn bị đều được trao đổi và thảo luận kỹ với các thành viên hướng dẫn hội thảo và Ban quản lý dự án bằng đường thư điện tử cũng như trực tiếp. Ngoài ra, công việc chuẩn bị hội thảo còn được bổ sung bởi thông qua các cuộc họp điều phối với Văn phòng GTZ tại Hà Nội (với bà Corinna Kuesel) và Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình tại Đồng Hới.

3.2. **Tổ chức Hội thảo**

Hội thảo đã được tổ chức từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 3 năm 2005 tại Khu Du lịch Sunspa, thành phố Đồng Hới. Địa điểm tổ chức hội thảo đã chọn là nơi lý tưởng để thu hút và khích lệ các thành viên tham gia hội thảo trang thủ thời gian tham gia đầy đủ.

Có 40 đại biểu đến tham dự Hội thảo từ các cấp chính quyền địa phương, các ban ngành, tổ chức quần chúng, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân cũng như các hợp tác xã liên quan (xem [phụ lục 4](#)). Trong đó có nhiều đại biểu là các nhà lãnh đạo cao cấp có liên quan trong việc ra quyết định⁴. Ngay cả khi bước lập kế hoạch chính thức trong hội thảo không phải là cơ sở để đại biểu tham dự đưa ra các quyết định ngay tại hội thảo thì các đại biểu tham dự cũng đã được giới thiệu và có ấn tượng rất sâu sắc với quy trình lập kế hoạch và kết quả của phương pháp lập kế hoạch chiến lược có sự tham gia. Thời gian tổ chức Hội thảo cũng phù hợp với thời gian lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm của tỉnh, vào mùa thu năm 2005.

Mức độ tham gia cũng như khả năng chuyên môn của các đại biểu (chủ yếu từ các cơ quan nhà nước) đã có tác động rõ rệt đối với kết quả hội thảo. Khâu lập kế hoạch được nhìn nhận chủ yếu từ bối cảnh chung và bối cảnh chính sách và ít hơn từ bối cảnh kinh tế và doanh nghiệp. Theo đó, các phương án và các dự án được đưa ra phù hợp với các định hướng chính sách liên quan đến phát triển kinh tế của tỉnh. Bước này đã được xem xét đến trong quá trình chuẩn bị: Hội thảo được xem như là một sự kiện lập kế hoạch tại cấp tỉnh.

Chương trình đã được thành viên hướng dẫn hội thảo - ông Hồng báo cáo đầy đủ. Tài liệu này được xem là tài liệu nội bộ làm cơ sở cho việc phân tích và chuẩn bị các bước tiếp nối về PTKTĐP.

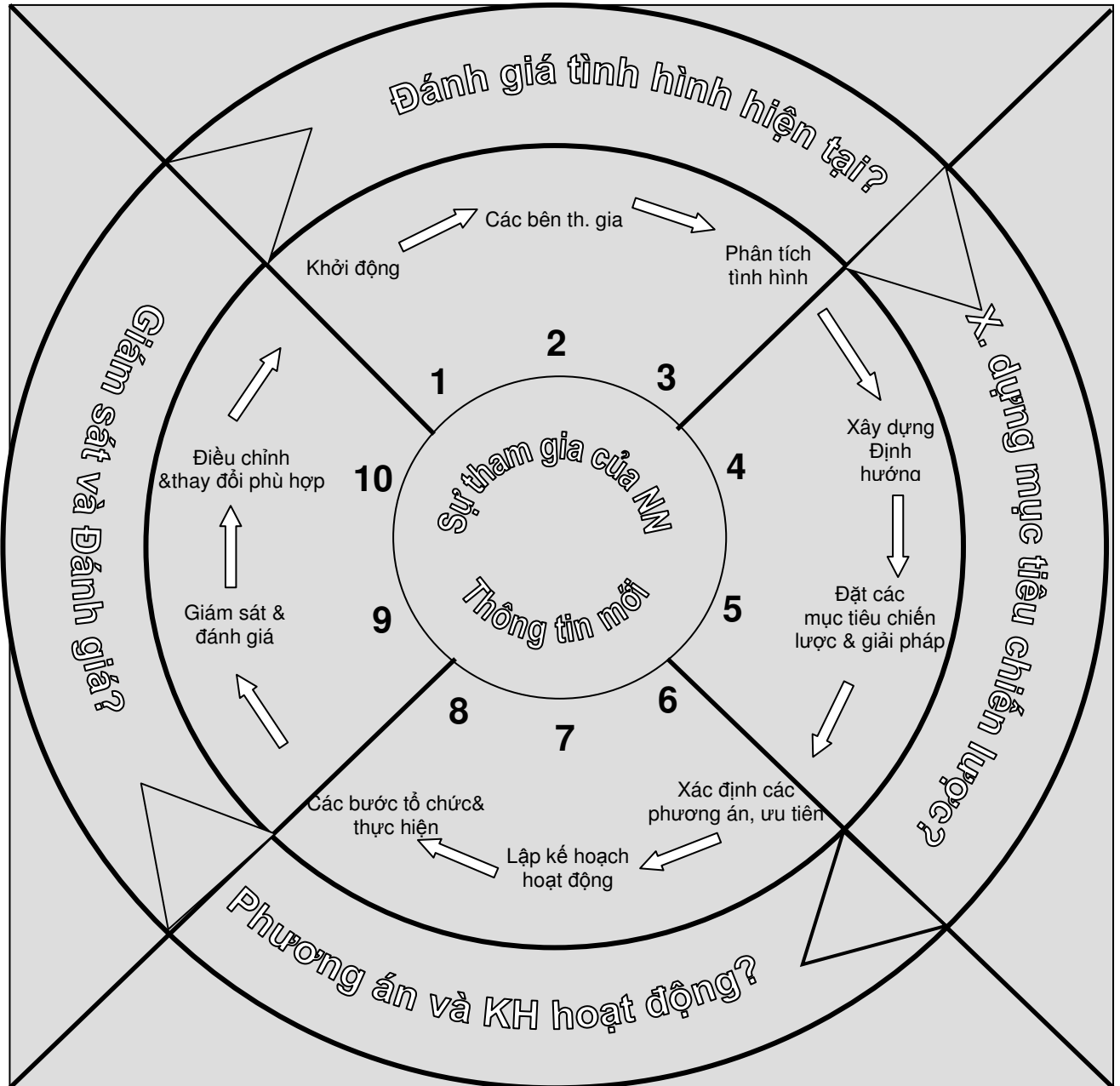
Nội dung chương trình không giống với phương pháp PACA⁵, áp dụng phương pháp lập kế hoạch mang tính chiến lược hơn. Hội thảo được tổ chức với tiến trình dưới đây, với các bước lập kế hoạch từ 1 đến 8. Chương trình hội thảo khá tham vọng so với thời gian hội thảo trong 3 ngày (20 tiếng) và với 40 đại diện từ các bên liên quan tham gia vào các cuộc thảo luận nhóm và thảo luận toàn thể. Trong lúc đó với chương trình hội thảo như thế thường chỉ có 20 thành viên tham gia, với thời gian ít nhất là 4 ngày. Tuy nhiên với

⁴ Sự tham gia hội thảo có đôi phần bị ảnh hưởng bởi đại biểu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư vào thăm tỉnh Quảng Bình vào ngày thứ hai của hội thảo, mà phần nào một số đại biểu không thể tập trung công sức và thời gian tham gia hội thảo.

⁵ PACA: Đánh giá lợi thế cạnh tranh có sự tham gia: một công cụ PTKTĐP đang được giới thiệu tại Việt Nam, tập trung vào việc xác định các tiềm năng và các mức độ can thiệp tại cấp địa phương.

khối lượng công việc như thế nhưng hội thảo đã được tổ chức thành công, hoàn tất chương trình đưa ra với chỉ một số thay đổi, điều chỉnh nhỏ trong thời gian hội thảo.

CHU TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC VỀ PTKTĐP



3.3. Các bước chính trong quy trình lập kế hoạch

Các bài học kinh nghiệm đúc kết từ các bước được giới thiệu trong Hội thảo là:

- một hội thảo chuẩn bị, giới thiệu phương pháp lập kế hoạch và các bước lập kế hoạch ban đầu ("Khởi động") sẽ hướng dẫn việc tập trung vào khâu lập kế hoạch

và phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia trong hội thảo tiếp nối - hội thảo tập trung vào các bước 4 và 7 (xem phần trên về Chu trình Lập kế hoạch);

- thử thách đặc biệt để thu hút được các thành viên tham gia hội thảo vào nỗ lực lập kế hoạch có sự tham gia đòi hỏi một số bài tập khởi động ban đầu. “Bài tập sáng tạo”⁶ được xem là phù hợp nhất và đã có làm cho các thành viên cởi mở và kiên trì hơn;
- đánh giá các bên liên quan (bước 2) là một nhiệm vụ cần thiết để khởi đầu quy trình. Bước này chuẩn bị cho sự tham gia tích cực và xây dựng chiến lược thành công. Công việc này đã được tiến hành trước, khi cần thiết, và sau đó được trình bày cho các thành viên tham gia đánh giá và góp ý (xem [phụ lục 9](#)).
- đánh giá tình hình (bước 3) cần có nhiều thông tin định lượng hơn để phân tích và sắp xếp theo những chủ đề tiếp theo. Tài liệu được chuẩn bị và trình bày trong phần toàn thể được dựa trên những thông tin mà các thành viên tham gia đã nắm rõ (xem [phụ lục 10](#)).
- hầu hết các công cụ được áp dụng trong bước này được các thành viên tham gia đánh giá cao (công cụ phân tích sự phối hợp và tính cạnh tranh, kênh cung cấp, SWOT). “Đánh giá tình hình địa phương” đã được vận dụng thông qua việc lồng ghép vào áp dụng công cụ phân tích kênh cung cấp;
- xác định viễn cảnh (bước 4) dường như là bước không định được mục đích nhưng lại đóng góp đáng kể đối với việc tạo ra sự thống nhất chung về ý tưởng phát triển tổng thể của tỉnh; phần này được tiến hành thông qua các cuộc thảo luận nhóm;

Viễn cảnh (tóm tắt)

Đến năm 2015, Quảng Bình sẽ trở thành trung tâm phát triển bền vững về kinh tế xã hội của khu vực Miền Trung, là điểm hẹn hấp dẫn, lý tưởng về du lịch của cả nước và thế giới.

- xác định các mục tiêu và biện pháp (bước 5) được tiến hành thông qua phương pháp động não và thảo luận về “các vấn đề” phát triển của tỉnh nhà (xem [phụ lục 5](#)). Một loạt các vấn đề được đưa ra cho thấy sự cần thiết phải lồng ghép vào quy trình lập kế hoạch mang tính chiến lược cao hơn, cả tại cấp tỉnh. Tuy nhiên, khi thảo luận xác định các mục tiêu các thành viên tham gia lại quay lại cách làm việc theo nhóm truyền thống; và kế hoạch 5 năm đang được xây dựng cụ thể hoá. Như đã được đề cập trước đó, các thành viên tham gia cụ thể được nhận thấy thông qua các kết quả lập kế hoạch. Các mục tiêu đã được tổng hợp lại như sau:

⁶ Bài tập thực hành trong một tiếng đồng hồ, trong đó các thành viên tham gia phải đối mặt với thử thách về thay đổi và sự cần thiết phải tự tham gia vào nhằm đạt được các kết quả phát triển khả quan.

Các mục tiêu Phát triển kinh tế được đưa ra trong Hội thảo

Tăng trưởng kinh tế và hiện đại hoá, công bằng xã hội và môi trường bền vững đến năm 2010.

GDP tăng bình quân 8% trong vòng năm năm tới

Thu nhập bình quân đầu người USD 600/người/năm

Cơ cấu kinh tế	Công nghiệp	- Dịch vụ	- Nông nghiệp (2015)
	43%	42%	15%

Giảm tỷ lệ nghèo đói xuống 20% tại các xã trong 5 năm tới

Năm 2010 không còn hộ đói, hộ nghèo còn < 10%

Năm 2015 hết hộ nghèo

Các tiêu chuẩn về môi trường bền vững sẽ được các ban ngành áp dụng trong 3 năm tới

- việc xác định “các khả năng, phương án”⁷ (bước 6) hình thành cơ sở đối với PTKTĐP. Danh sách các ý tưởng hành động đã được tổng hợp thông qua phần thảo luận toàn thể trước khi định hướng và chuẩn bị. Do thời gian hạn chế, các khả năng được các thành viên tham gia trực tiếp xác định, tổng hợp các nhận định trong các bước trước. Do làm tắt nên danh sách gồm 19 khả năng/phương án đưa ra phần nào thiếu sự rõ ràng và không được tổng hợp thành các nhóm hành động.
- mặt khác, các khả năng/phương án đã được xác định lại khá phức tạp đối với việc lập kế hoạch tại cấp tỉnh.

trong hướng dẫn hội thảo, các thành viên hướng dẫn cũng tránh dùng các thuật ngữ kỹ thuật “các khả năng/phương án” và “các hành động” trong bối cảnh PTKTĐP. Vì thường thì những từ này thường phải được giải thích dài dòng và không phục vụ cho quy trình lập kế hoạch vì thế **đủ sao chẳng nữa các thành viên hướng dẫn đã áp dụng cách làm tắt tại bước này.**

Các khả năng đã được xác định ưu tiên qua cách áp dụng phương pháp Pareto lại rất nhất quán, đã phản ánh được các mối quan tâm của các thành viên tham gia cũng như các yêu cầu đặt ra đối với hướng tác động trong phát triển kinh tế địa phương.

⁷ Phương án trong PTKTĐP là một nhóm các hành động. Và những hành động khác nhau thường được xác định trên cơ sở các “vấn đề” và “các mục tiêu”. Các hành động được kết nối thành các nhóm chặt chẽ, những chiến lược được lựa chọn. Trong quá trình này, một hành động có thể là một hợp phần cần thiết gồm những phương án khác nhau. Vì thế, một hành động có thể đóng góp vào việc thực hiện trên một phương án. Những phương án chặt chẽ và có lợi nhất lại được xác định bằng cách áp dụng những kỹ thuật lập kế hoạch khác nhau.

Stt	Các dự án (theo thứ tự ưu tiên)	Điểm ưu tiên do các đại biểu sắp xếp	Thứ tự ưu tiên
1.	Chính sách thu hút nhân tài	6	
2.	Tăng số lượng doanh nghiệp tư nhân	8	
3.	Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ	3	
4.	Phát triển công ty vật liệu xây dựng	14	4
5.	Hoàn thành quy hoạch du lịch Quảng Bình	12	1
6.	Đơn giản thủ tục hành chính	4	
7.	Đẩy mạnh khâu phân hoá	4	
8.	Thu hút đầu tư	15	4
9.	15 tiểu thủ công nghiệp năm 2015	3	
10.	Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất	11	1
11.	Chương trình dạy nghề về du lịch	3	
12.	Xúc tiến xuất khẩu	8	
13.	Đẩy mạnh khai thác và phát triển nguồn lực thủy sản	10	3
14.	Tăng cường hợp tác quốc tế với Lào và Thái Lan	3	
15.	Chiến dịch khuyến khích tiêu thụ hàng địa phương	6	
16.	Ứng dụng công nghệ vào kinh doanh	4	
17.	Đào tạo nguồn nhân lực	15	2
18.	Phát triển nông thôn	15	3
19.	Phát huy nội lực	12	2

- 8 phương án, ở đây được gọi là “các dự án”, cuối cùng đã được lựa chọn, nhóm lại và phân cho 4 nhóm thảo luận để dự thảo các kế hoạch hành động cho mỗi dự án (bước 7). Các nhóm làm việc được sử dụng các kế hoạch đã có và các ý tưởng liên quan đến các dự án cũng như chuyên môn và kinh nghiệm khác nhau của các thành viên trong nhóm cũng như tính không đồng nhất của nhóm.

7 trong 8 nhiệm vụ đã được hoàn thành (xem [phụ lục 6](#)). Với thời gian xem xét và cân nhắc trong chưa đầy 2 tiếng đồng hồ, các hoạt động đã được xác nhóm đề xuất lên rất phù hợp với việc phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Bình.

Tuy nhiên, việc lập kế hoạch chi tiết và kỹ lưỡng hơn, dựa trên các hành động/phương án, có thể mang lại các kế hoạch mang tính hành động hơn. Điều này có thể rất cần thiết cho các cuộc hội thảo tương tự sau này với thời gian hội thảo 4 ngày. Tóm lại thì điều này thường là sự xem xét giữa chi phí- lợi ích và trong bối cảnh cùng nỗ lực lần đầu thế này thì sự lựa chọn tốt hơn tất nhiên là một kế hoạch ngắn gọn hơn.

- Để hướng dẫn việc thực hiện các kế hoạch được dự thảo ra trong hội thảo, danh sách “những việc cần làm” dưới đây đã được các thành viên tham gia thảo luận và thông qua toàn thể:

	Các bước	Ai chịu trách nhiệm	Thời gian hoàn thành
1	Chuẩn bị tài liệu tổng kết Hội thảo (Bản thảo)	Dự án, Ông Baerenz, Ông Hồng	Cuối tháng 3 / 2005
2	Nhận xét và phản hồi tài liệu Hội thảo	Sở KH&ĐT tỉnh GTZ	Giữa tháng 4/2005
3	Chỉnh sửa/Hoàn thiện	Dự án, Sở KH&ĐT	Cuối tháng 4 / 2005
4	Phê duyệt kế hoạch	UBND tỉnh	Cuối tháng 05/2005
5	Triển khai thực hiện	Theo như tài liệu	Theo như tài liệu
6	Thành lập Nhóm giám sát	HĐND các cấp, Sở KH&ĐT	
7	Các kế hoạch kế tiếp / Hội thảo tổng kết	GTZ, Sở KH&ĐT / DPI	05 / 2006
8	Đánh giá nội bộ về phương pháp		

3.4. **PTKTĐP tại Việt Nam / Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ của GTZ (GTZ-SME)**

Chương trình Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ của GTZ hiện đang thực hiện chiến lược PTKTĐP dựa trên phương pháp PACA (xem thêm chi tiết tại [phụ lục 8](#)). Giá trị của phương pháp này là những ý tưởng mang tính sáng tạo cao hơn liên quan đến các tiềm năng phát triển, xuất phát từ việc đánh giá công việc hiện trường trên phạm vi rộng.

Dự án QLBV NNTN MT đã lựa chọn phương pháp PTKTĐP của Ngân hàng thế giới trong bối cảnh hạn chế về nguồn lực và cũng nhằm giới thiệu công cụ cho Chính quyền cấp tỉnh làm cơ sở để dàng hơn trong việc lồng ghép vào các quy trình lập kế hoạch xưa nay và hiện tại. Hội thảo lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP sẽ có ảnh hưởng đối với kế hoạch phát triển 5 năm của tỉnh - kế hoạch đang trong quá trình xây dựng. Ngoài ra, phương pháp này cũng sẽ được giới thiệu và áp dụng trên cơ sở mang tính hành động hơn đối với hướng phát triển kinh tế chiến lược của địa phương tại cấp huyện. Qua đó, dự án sẽ giới thiệu các phương pháp mới trong lập kế hoạch, cho phép việc lập kế hoạch có sự tham gia cao hơn và xây dựng được cơ sở chiến lược để từ đó đưa ra các hoạt động hỗ trợ.

3.5. **Kết luận tại Hội thảo PTKTĐP**

Hội thảo được xem là một đóng góp rất mới của Dự án đối với việc phát triển của tỉnh Quảng Bình thông qua những yếu tố sau đây:

- Có hơn 40 đại diện đại biểu tham gia đến từ các bên liên quan khác nhau đã cùng nhau tham gia hội thảo lập kế hoạch chiến lược trong 3 ngày liên tục;
- sự tham gia cao và tích cực của các đại biểu;
- phương pháp lập kế hoạch mới, khác với cách lập kế hoạch tập trung xưa nay của các ban ngành;
- khối lượng công việc khá cao đã được hoàn thành qua hội thảo với khung thời gian khá eo hẹp;
- hội thảo tập trung nội dung vào việc phát triển kinh tế.

Cách lập kế hoạch đã được áp dụng xưa nay tại Việt Nam thường chưa đảm bảo sự tham gia khác nhau của các nhóm đối tượng, sở thích khác nhau cũng như không đảm bảo các phương pháp có sự tham gia – các phương pháp thường không chú trọng vào hệ thống cấp bậc. Vì thế, tác động của hội thảo nhằm nỗ lực thay đổi quan điểm và thái độ của các đối tượng tham gia đã được khởi xướng hơn là nhằm vào kết quả như đã đề cập trong các kế hoạch hành động dự án.

Sở KHĐT là cơ quan chức năng chính của tỉnh đã cam kết thực hiện các nhiệm vụ trong danh sách “những việc cần làm” để đưa ra các kế hoạch hành động. Tuy nhiên, điều này dường như không thực tế khi mong muốn những kế hoạch này sẽ được thực hiện 1:1. Đó có thể thể hiện sự thay đổi sâu sắc trong các quy trình lập kế hoạch tập trung – điều mà không thể đạt được một cách riêng lẻ và chỉ qua một cuộc hội thảo thế này.

Phản ánh của các đại biểu tham dự và các nhà chính sách chính của tỉnh đã cho thấy sự đánh giá cao đối với phương pháp và quy trình PTKTĐP. Nếu những bước tiếp theo của hội thảo được thực hiện thì hội thảo sẽ là một quá trình rất thiết thực.

4. Khung nguyên lý và Chiến lược thực hiện đối với Kết quả 4

4.1. Giới thiệu

Mặc dù kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng đáng kể tại cấp quốc gia nhưng nghèo đói vẫn là còn tồn tại tại các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa nơi điều kiện sống chủ yếu của người dân còn phụ thuộc phần lớn vào sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp. Việc sử dụng đất đai trên địa bàn các huyện phải chịu sức ép lớn từ dân số, sự thiếu thốn về khoa học kỹ thuật, kinh doanh kinh tế, thiếu thốn về vật liệu thô có thể khai thác và thiếu phương thức sản xuất. Mặc dù cơ sở hạ tầng đã có những bước cải thiện rõ rệt như đường Hồ Chí Minh mới được xây dựng xong và một số công trình cơ sở hạ tầng đường sá khác nhưng những vùng này lại không được ưu đãi với những thuận lợi về địa lý mang tính cạnh tranh.

Nói một cách khác, hai huyện Tuyên Hoá và Minh Hoá có thể trong đờ từ các dự án đầu tư kinh tế bên ngoài ở quy mô rất hạn chế (ngoại trừ lĩnh vực du lịch). Việc tạo thu nhập và việc làm chủ yếu phải dựa vào các tiềm năng và nguồn lực của chính địa phương.

Trong giai đoạn của Dự án ATLT QB, đã có nhiều hoạt động được triển khai thực hiện với sự hỗ trợ của dự án nhằm tăng cường các cơ hội tạo thu nhập và các hoạt động phi nông nghiệp, phi lâm nghiệp. Trong bối cảnh của Dự án mới, việc tăng cường các cơ hội tạo thu nhập từ các hoạt động chế biến và phát triển thị trường nông sản và lâm sản ngoài gỗ (gọi tắt là: Kết quả 4) đã cho thấy tầm quan trọng hơn. Việc quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên chỉ có thể thành công khi người dân không buộc phải khai thác các nguồn tài nguyên của chính họ theo hướng hủy hoại.

Trong chuyến đi thực địa đến các huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa, kết quả cho thấy tài sản đất đai của các hộ gia đình chỉ ở mức tối thiểu và các xã không có đủ đất để giao thêm các lô đất mới. Thế hệ sau sẽ không đủ điều kiện kiếm sống từ đất đai mà cha mẹ của họ để lại vì mảnh đất đó lại được chia nhỏ ra cho các anh, chị em trong gia đình. Thực tế, qua một số cuộc phỏng vấn cho thấy, các đối tượng trẻ thừa nhận rằng họ phải vào rừng khai thác gỗ trái phép để kiếm sống. Nếu không có công tác trồng rừng thì ngay cả giải pháp này cũng sẽ không tồn tại trong thời gian ngắn nhưng câu trả lời trong trường hợp này của chính người dân lại rất đơn giản và dễ hiểu: “chúng tôi chỉ nghĩ cho hôm nay thôi chứ không phải nghĩ đến ngày mai”.

4.2. Các điểm mấu chốt đối với các hoạt động của Kết quả IV

Ngoài các hoạt động đã và đang được thực hiện, dự án trước đây và dự án mới đã tiến hành công việc mang tính hệ thống để tăng cường các cơ hội tạo thu nhập không liên quan trực tiếp đến nông nghiệp hay lâm nghiệp:

- giới thiệu công cụ PT&PTTT, một phương pháp có hệ thống để xác định các hoạt động có tiềm năng tạo thu nhập từ phi nông nghiệp; từ tháng 2 năm 1998;
- trình độ chuyên môn của các giảng viên CEFE và tổ chức các khoá tập huấn CEFE, giai đoạn Dự án ATLT QB;

- Điều tra, khảo sát về tình hình tạo thu nhập từ phi nông nghiệp tại các huyện dự án, đánh giá tác động của các hoạt động liên quan được Dự án QTLT QB hỗ trợ (giai đoạn (1996 – 2002) rút ra các kết luận cho hướng hoạt động trong thời gian tới, tháng 2 năm;
- tham gia các hội thảo về PTKTĐP, bao gồm tập huấn ToT về PACA nhằm khai thác tiềm năng của phương pháp đối với các mục đích của dự án, từ năm 2004;
- Điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội nhằm thu thập các số liệu cơ bản mang tính đại diện về các điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại của các nhóm mục tiêu, tháng 9 năm 2004;
- Điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo tại 8 xã, làm cơ sở đề xuất các khoá học phù hợp cho các nhóm mục tiêu, tháng 11 năm 2004;
- Điều tra đánh giá các sản phẩm tiềm năng tại các huyện dự án, nhằm đánh giá tiềm năng thị trường, tình hình sản xuất hiện tại và nhu cầu đầu tư đối với các sản phẩm được lựa chọn (dựa trên kết quả của các cuộc điều tra trước đây); tháng 11 năm 2004.

Hiện tại danh sách chưa hoàn thành. Điều này cho thấy cần nỗ lực có hệ thống của dự án để nắm rõ tình hình (ví dụ như điều tra cơ bản), nhằm học hỏi từ các hoạt động trước đây và đánh giá tác động (ví dụ như Điều tra tình hình thu nhập từ phi nông nghiệp) và xây dựng các phương án (ví dụ như Đánh giá nhu cầu đào tạo và Đánh giá các sản phẩm tiềm năng).

Vì vậy có thể nói rằng Dự án QL BV NTNTN-MT chưa tiến hành phân tích theo hướng tự xây dựng: “Dự án thiếu khung nguyên lý tổng thể trong lĩnh vực tạo cơ hội thu nhập từ phi nông nghiệp”. Nhưng so với các dự án khác, chúng tôi nhận thấy cách quản lý và thực hiện của Dự án QL BV NTNTN-MT lại khá chặt chẽ.

Mặt khác, việc trong đơi vào một “khái niệm chiến lược thần thông” tự khắc mang lại kết quả đối với việc tạo thu nhập đáng kể lại không thực tế. Đặc biệt là một khái niệm tổng thể mang lại các kết quả như mong muốn không hề tồn tại mặc dù các nhà thúc đẩy khái niệm có thể cho rằng ngược lại. Đối với một dự án như Dự án QL BV NTNTN-MT thì sẽ hữu ích hơn khi sử dụng đồng thời những khái niệm và công cụ khác nhau nhằm tạo ra cơ sở can thiệp trên quy mô rộng hơn. Đối với chiến lược quản lý dự án thì cả hai cách trên đều tương thích và định hướng tác động.

4.3. ***Cân bằng các khái niệm và công cụ***

Các thuật ngữ khá nhau đã được đưa ra thảo luận thông qua cuộc họp nội bộ vào cuối chuyển công tác:

1) Các khái niệm:

- a) PTKTĐP: là một *khái niệm lập kế hoạch* tổng thể và mang tính mở, tập trung vào phát triển kinh tế cấp địa phương (những gì đang cần thiết tại địa phương). Kết quả của quá trình lập kế hoạch có thể linh hoạt trong đó nhiều công cụ khác nhau (có thể gọi hành động trong PTKTĐP) có thể được xác định và áp dụng. Ý tưởng ở đây không cụ thể hướng đến các giải pháp được tiêu chuẩn hóa nhưng là phương pháp và lập kế hoạch được tiến hành - với

sự tham gia của các bên liên quan và áp dụng phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia.

- b) PT&PTTT: là một khái niệm cụ thể hơn nhằm *xác định các sản phẩm phù hợp* và xây dựng các giải pháp kinh doanh cho những sản phẩm đó – công cụ này ít mang tính tham gia hơn nhưng lại rõ ràng và dễ suy đoán kết quả hơn. Nó hướng khâu lập kế hoạch (như PTKTĐP) vào quá trình thực hiện.

Việc áp dụng cả hai khái niệm trên trong cùng một dự án là hoàn toàn phù hợp. Thông qua khái niệm PT&PTTT - được bổ sung bởi các cuộc điều tra phụ - nhiều sản phẩm đã được xác định và phát triển thêm trên cơ sở lập kế hoạch có tính nhất quán cao (kế hoạch hoạt động phù hợp), áp dụng các công cụ khác nhau (xem dưới đây).

Lập kế hoạch có thể mở rộng tương tự thông qua giới thiệu phương pháp lập kế hoạch PTKTĐP tại cấp huyện, với mục đích trong đời là có sự tham gia của các bên liên quan khác nhau nhằm đạt được quy trình lập kế hoạch rộng rãi hơn và mang tính cam kết cao hơn. Vì thế, kết quả của PTKTĐP không phải là xây dựng được một kế hoạch mà dự án phải triển khai mà là các bên liên quan phải tham gia vào kế hoạch.

2) Các công cụ:

Ghi chú: Tất cả các công cụ được giới thiệu dưới đây có thể là những hành động trong PTKTĐP nhưng một số công cụ có liên quan đặc thù với một trong hai khái niệm nói trên. Việc áp dụng các công cụ này có thể bắt đầu trước khi tổ chức các hội thảo PTKTĐP cấp huyện nhằm đúc rút được các kinh nghiệm cần thiết.

Công cụ	Chủ yếu liên quan đến	Mục đích chính	Áp dụng trong dự án
CEFE và SIYB	PT&PTTT	Là công cụ đào tạo về kinh doanh có tính hệ thống	1. tăng cường triển vọng kinh doanh và khả năng của nhóm mục tiêu 2. trợ giúp trong lập kế hoạch kinh doanh
Chuỗi giá trị	PT&PTTT	nhằm tăng giá trị gia tăng tại các huyện	Áp dụng thí điểm đối với một trong những sản phẩm PT&PTTT (làm nám), đánh giá và nếu có thể sẽ mở rộng sau này
Cụm doanh nghiệp	PTKTĐP	hợp tác với các bên liên quan của một cụm kinh doanh nhằm thúc đẩy cụ phát triển	Áp dụng thí điểm đối với một trong những sản phẩm PT&PTTT với hình thức cao nhất - tự tổ chức (nuôi ong), đánh giá và nếu có thể sẽ mở rộng sau này
Tăng cường mối quan hệ giữa công cộng và tư nhân (PPP)	PTKTĐP	tạo ra nguồn vốn từ khu vực tư nhân và kết hợp các mục tiêu của nhà nước, công cộng	Khai thác tiềm năng PPP đối với bán mây tre; những lĩnh vực khác có thể được xác định trong PTKTĐP
Hỗ trợ mạng lưới tín dụng		tăng khả năng tiếp cận tài chính như là một phương tiện để phát triển kinh doanh	tiến hành hợp tác với Hội PN tại các xã trong huyện, đặc biệt là hình thức tuyên truyền và kết nối với các doanh nghiệp có tiềm năng của Hội PN

4.4. Chiến lược và Kế hoạch hoạt động

Trên cơ sở kinh nghiệm đã có và các điểm xem xét, Dự án đã đưa vào áp dụng cả hai khái niệm,

- các sản phẩm đã được xác định thông qua khái niệm PT&PTTT và phân tích sâu hơn thông qua các cuộc điều tra khác nhau (trong bối cảnh PT&PTTT);
- tiềm năng tạo ra từ PTKTĐP chiến lược tại cấp huyện.

Tập trung sản phẩm trong PT&PTTT sẽ, vì thế, được mở rộng thông qua các phương án mở và có lẽ là đáng ngạc nhiên hơn. Với tầm quan trọng cao nhất thì việc hướng dẫn hội thảo sẽ không nỗ lực lập lại kế hoạch một cách đơn giản đối với các sản phẩm đã được xác định áp dụng khái niệm PT&PTTT bằng các công cụ của PTKTĐP. Những gì PTKTĐP mang lại sẽ mang tính bổ sung. Dự án muốn có một phương pháp phong phú hơn đối với lập kế hoạch chiến lược.

Nói chung, kết quả của PTKTĐP là có được một kế hoạch phát triển chung của các bên tham gia khác nhau. Đó

- không phải là một danh sách các mong muốn từ các đại biểu, thành viên tham gia hội thảo được giao cho các bên khác và được phản hồi,
- không phải là máy tạo ý tưởng đối với một dự án hợp tác song phương và sẽ được dự án đó triển khai.

Nói một cách khác, các dự án (hoặc các phương án) được lựa chọn và xây dựng trong hội thảo phải nằm trong phạm vi và khuôn khổ của các bên liên quan khác nhau. Đóng góp của dự án có thể nhận thấy thông qua việc hỗ trợ, tạo điều kiện, điều phối và theo dõi. Chỉ trong những trường hợp rất ngoại lệ, Dự án mới tiến hành thực hiện một trong những dự án PTKTĐP đã xây dựng nên.

Trên cơ sở các cuộc thảo luận với các thành viên dự án, một kế hoạch hoạt động mới đã được xây dựng (xem [Phụ lục 7](#)). Kế hoạch này được dựa trên các nguyên tắc mô tả ở trên.

Một số ghi chú:

- Kế hoạch hoạt động khá tham vọng nhưng không có nghĩa là không thực tế.
- Các cần bổ sung thêm các cột nguồn lực đối tác và nguồn lực nội bộ nhằm xác định được các vướng mắc, khó khăn.
- Kế hoạch hoạt động cần được giám sát và theo dõi tiến độ hàng tháng bởi các cán bộ kết quả và cần có thảo luận về tiến độ thực hiện với BQL dự án trên cơ sở 2 tháng một lần.
- những chậm trễ, vướng mắc trong quá trình thực hiện cần được phân tích và báo cáo và trên cơ sở đó cập nhật và điều chỉnh kế hoạch.

4.5. ***Dự thảo chuỗi Tác động của Kết quả iv***

Trong khuôn khổ “định hướng tác động” của GTZ thì phân tích tác động đóng một vai trò ngày càng quan trọng. Bảng dưới đây sẽ bổ sung cho kế hoạch hoạt động. Vì tài liệu này chưa được tư vấn hay cán bộ dự án chuẩn bị nên đây sẽ là dự thảo cho thảo luận nội bộ. Bảng thông tin này là cơ sở kết nối các bước can thiệp và tác động đối với cơ quan đối tác cũng như nhóm mục tiêu.

Sau khi được xây dựng hoàn tất, nó sẽ là công cụ được sử dụng thường xuyên để đánh giá hiệu lực của chiến lược có xem xét đến tác động mong muốn và tác động đạt được. Khi tác động dự kiến không đạt được thì cần thích ứng hoặc thậm chí thay thế các bước can thiệp bằng các hoạt động thích hợp hơn.

SUSTAINABLE MANAGEMENT OF NATURAL RESOURCES IN CENTRAL VIETNAM - SMNR-CV										
Overall goal: The living conditions of the local population in the mountainous areas of the project region are improved in accordance with a stabilization of the ecology										
Project purpose: The stakeholders in the project region manage their natural resources in a sustainable way		Indicators project purpose	1. By 03/2006, at least 50% of the stakeholders, including women and ethnic groups (Kinh and ethnic minorities) at village, commune and district level indicate that their livelihood has substantially improved. 2. Three years after completion of land use planning and land allocation, the forest cover in at least 75 % of the project communes is at least 10 % higher than before. 3. The poverty rate in all communes of the project area decreases steadily. 4. By 03/2005, the dissemination of selected project concepts has effectively started in the neighboring Provinces of Quang Tri and Thua Thien Hue (in short: Hue) on the basis of agreements with the relevant authorities. 5. By 03/2010, the project implementation partners (technical services on provincial, district and communal levels, mass organizations, private sector organizations, etc.) are sufficiently qualified and experienced to render efficient service target groups.							
Result 4: Income opportunities from the processing and marketing of agricultural and non-timber forest products are supported, providing equal opportunities for men and women.			Indicators	1. By 03/2007, at least 10% of the households in the project region effectively participate in income generating activities. 2. Among the participating households, the additional income increases by 10% annually. 3. The additional income is distributed about evenly among men and women. 4. By 03/2006, at least 20% of participating households have been assisted in accessing and using short and medium term credit from ADB-VBARD and other financing institutions.						
Topic / Area	Inputs	Dead Line		Costs	intended internal impact	accomplished impact	Use of Inputs by Partners	Impact on Target Group		not intended impact
							direct	indirect		
LED introduction	Introduction of strategic LED planning at provincial level			Provincial Government includes participative approach in economic planning process		Provincial Government repeats LED planning with project support, implements part of project plans	participation of target group in planning	more relevant economic projects		
	Local LED Workshops			district stakeholders agree on joint economic development strategy		district authorities use LED as part of planning procedure				
M&D expansion	Beekeeping			expand beekeeping by ToT and media campaign		more extension workers of communes offer bee keeping services	increased use of services	more NTFP business activities raise alternative income		
	Mulberry and silk			introduce improved mulberry varieties and diversified silk processing		TSGs offer distribution of better seedlings, district authority accepts more middlemen				
	Mushrooms			more practical training is offered to more dedicated households		TSGs accept more critical selection of beneficiaries and include training by practitioners				
	Bamboo and rattan processing			explore more productive marketing (sales channels)		crafters association improve and diversify marketing				
New tools used in M&D	cluster development bee keeping			self organisation at larger level introduction of quality control for marketing		TSGs support self organisation and quality control system	higher potential for marketing	more honey sold		
	value chain mushrooms			introduce the tool		TSGs apply the tool	more local products	more value added		
	CEFE Training			enable CEFE training for existing businesses and start-ups		CEFE Quang Binh club provides courses	target group uses courses	better business, more start-ups		
	PPP rattan sales channels			enable professional marketing			producers use know how + sales channels	diversified products, more sales		
credit	credit mediation, Women's Union			dissemination of credit for business		Women's Union attends more businesses	use of credit for business	more + better business activities		

Niềm vui giữa các đại biểu thể hiện sự hợp tác trong Hội thảo PTKTĐP.



và sự tham gia cao của các đại biểu, thành viên tham dự Hội thảo PTKTĐP



Phụ lục 1: Tham chiếu nhiệm vụ

Bản mô tả chức năng nhiệm vụ

của Tư vấn Quốc tế ngắn hạn về Phát triển Kinh tế Địa phương

tháng 3 năm 2005

Cơ sở

Dựa trên thành quả của Dự án An toàn lương thực do GTZ hỗ trợ từ năm 1996 đến năm 2002 trên hai huyện Tuyên Hoá và Minh Hoá tỉnh Quảng Bình. Dự án tiếp theo có tên “Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung” hướng đến mục tiêu tổng thể là cải thiện điều kiện sống của người dân địa phương trên các vùng dự án đảm bảo bền vững về mặt sinh thái. Mục đích dự án và các tác động mong muốn của dự án là tập trung vào nâng cao năng lực, cụ thể là các bên liên quan trong vùng dự án có thể quản lý tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững.

Chiến lược triển khai chung là củng cố các thành quả của dự án ATLT trên các lĩnh vực: i) lập kế hoạch phát triển thôn/xã dựa vào cộng đồng (VDP), ii, việc áp dụng các hệ thống canh tác phù hợp, iii, quản lý rừng dựa vào cộng đồng, iv) tạo các cơ hội thu nhập phụ từ việc chế biến và tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp và phi gỗ. Tổng hợp các bài học kinh nghiệm từ các dự án khác, đặc biệt là các dự án của GTZ, các phương pháp và mô hình đã được SMNR-CV thử nghiệm và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện địa phương để sẵn sàng nhân rộng theo nhu cầu của các tỉnh trong khu vực Miền Trung.

Trong lĩnh vực “Phi nông nghiệp” các cơ hội tạo thu nhập, Dự án ATLT sử dụng phương pháp “Phân tích và Phát triển thị trường” (viết tắt là PT&PTTT, xem tóm tắt về phương pháp theo tài liệu đính kèm). Quá trình phát triển, thích ứng và thực hiện phương pháp này bao gồm nhiều bước phân tích thị trường, sản phẩm và ngành cũng như việc ứng dụng phương pháp CEFE để xác định mục tiêu đối với các nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp nông thôn và các hộ sản xuất nông nghiệp ở trong vùng Dự án. Đến cuối Dự án ATLT năm 2002, kết quả đạt được trong lĩnh vực này bao gồm một số sản phẩm đã được sản xuất và tiếp thị thành công bởi gần 1.500 hộ gia đình; điều này giúp cải thiện đáng kể điều kiện sống và thu nhập ròng của họ.

Trong khuôn khổ Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, các hoạt động này lại tiếp tục được hỗ trợ kể từ tháng 4 năm 2004. Các chỉ tiêu kết quả và tác động được hình thành theo như Bảng kế hoạch tổng thể của Dự án (đính kèm), Kết quả 4 tập trung cụ thể vào việc tăng thu nhập hộ gia đình bằng cách mở rộng vùng hoạt động, tăng tỷ lệ các hộ gia đình được tham gia – tăng phạm vi hỗ trợ của Dự án đối với sự phát triển kinh tế của địa phương.

Về chiến lược thực thi, Phân tích và Phát triển thị trường, việc ứng dụng phương pháp CEFE và các công cụ khác tiếp tục được thực hiện. Trong khi các vấn đề trên được xem là đủ để thực hiện các chỉ tiêu tương ứng, dường như dự án vẫn còn thiếu một khung điều kiện tổng thể trong lĩnh vực chọn lựa các cơ hội tạo thu nhập. Trên cơ sở sự hợp tác từ trước đến nay với Dự án Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của GTZ tại Việt Nam, việc giới thiệu phương pháp “Phát triển kinh tế địa phương” (PTKTĐP) vì vậy cần được xem xét.

Mục đích

Mục đích của tư vấn là cùng với cán bộ dự án, đối tác và nhóm mục tiêu đưa ra một khung nguyên lý và chiến lược thực hiện cho Kết quả 4. Dựa vào những đánh giá ban

đầu, khung nguyên lý cần phải dựa trên tài liệu phiên bản PTKT địa phương đã được thích ứng, nhưng cần có sự kết hợp với các nhân yếu tố khác của PT&PTTT, CEFE, Đánh giá sự cạnh tranh có sự tham gia (PACA), chuỗi giá trị gia tăng và hỗ trợ quan hệ đối tác giữa công cộng và tư nhân (PPP), lập kế hoạch phát triển thôn bản (VDP), hỗ trợ sản phẩm từ rừng phi gỗ và các công cụ phù hợp khác. Chiến lược thực hiện cần phải thực tế để phù hợp với năng lực của cán bộ dự án, đối tác và nhóm mục tiêu. Chiến lược sẽ được cụ thể hóa thông qua Kế hoạch hoạt động và Đào tạo chi tiết.

Kết quả

Các kết quả mong đợi của đợt tư vấn không nhất thiết phải giới hạn trong các điểm sau:

1. Việc đánh giá các khái niệm, phương pháp, các hoạt động hiện đang thực hiện bởi Dự án QLBV NTNTN - MT, Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ cần của GTZ – và các dự án khác nếu thấy phù hợp - được tài liệu hóa trên cơ sở của các tài liệu liên quan và các cuộc thảo luận với những người liên quan (Xem tài liệu kèm theo và trang web của Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ GTZ-SME (<http://www.sme-gtz.org.vn/>), Phát triển kinh tế địa phương (LED, <http://www.sme-gtz.org.vn/initia.htm#eco>) và các tài liệu khác.
2. Trên cơ sở các cuộc thảo luận với các cơ quan địa phương liên quan và chuyển làm việc thực tế trong vùng Dự án, đánh giá về các tiềm năng phát triển của địa phương, đánh giá về năng lực của các cơ quan địa phương cũng như sự thích hợp của phương pháp Phát triển kinh tế địa phương và các phương pháp tiếp cận khác cần được tài liệu hóa.
3. Một hội thảo giới thiệu về Phát triển kinh tế địa phương trong vòng 3 ngày được tổ chức với sự tham gia của các cơ quan chủ chốt tại địa phương tỉnh Quảng Bình. Hội thảo bao gồm ít nhất, nhưng không giới hạn như trong Phần 1 (Chúng ta đang ở đâu?) của tài liệu hướng dẫn PTKTĐP. Tư vấn sẽ hướng dẫn và tài liệu hóa các nội dung của hội thảo với sự hỗ trợ của chuyên gia tư vấn trong nước và cán bộ dự án.
4. Dựa vào các bước trước đây, khung nguyên lý của Kết quả 4, bao gồm các yếu tố của PTKTĐP và các phương pháp tiếp cận khác được thảo luận với cán bộ dự án và được tư vấn tài liệu hóa.
5. Dựa vào các yếu tố chính của khung điều kiện, các điểm chính của chiến lược điều chỉnh được thảo luận và tài liệu hóa.
6. Trên cơ sở các vấn đề nêu trên và một ngày thảo luận với cán bộ Dự án, kế hoạch hoạt động và tập huấn được chi tiết hóa, bao gồm các hoạt động (Cả giám sát và đánh giá) trong thời gian tháng 4/2005 đến tháng 3/2006.

Đầu ra

Các chuyên gia tư vấn sẽ cung cấp một bản báo cáo bằng tiếng Anh, không quá 15 trang, trình bày các kết quả nêu trên. Kế hoạch tập huấn và hoạt động là những phần của Phụ lục – Báo cáo sẽ được cán bộ Dự án dịch sang tiếng Việt.

Khung thời gian

Trong thời gian 1 tháng, gồm có 3 ngày chuẩn bị, 4 ngày đi lại từ nước ngoài sang và đi trong nước, 2 ngày ở Hà Nội để thảo luận với Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ, 8 ngày viết và chỉnh sửa báo cáo. Chuyển đi thực tế ở Quảng Bình trong vòng 14 ngày và dự kiến sẽ bắt đầu từ 04/03/2005. Thời hạn cuối cho việc trình báo cáo cuối cùng (bằng tìhư điện tử) là 10/04/2005.

Ghi chú

Phụ thuộc vào kết quả của nhiệm vụ hiện tại, các nhiệm vụ tiếp theo có thể được cân nhắc vào đầu năm 2006.

Phụ lục 2: Chương trình Hội thảo Phát triển Kinh tế Địa phương (PTKTĐP)

- Mục tiêu: Nhằm chuẩn bị một chiến lược nhất quán để khuyến khích các hoạt động phát triển kinh tế tại tỉnh Quảng Bình
- Thời gian: Ngày 10 – 12, tháng 03 năm 2005, 07:30 sáng đến 16:30 chiều
- Địa điểm: Khu Du lịch sinh thái Mỹ Cảnh, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Chương trình sơ bộ:

Ngày 1:

- Khai mạc
- Giới thiệu chung về Phát triển kinh tế địa phương (PTKTĐP)
- Phân tích các bên liên quan
- Đánh giá tình hình

Ngày 2:

- Xây dựng định hướng
- Xác định các vấn đề phát triển
- Xây dựng các mục tiêu

Ngày 3:

- Xác định các hoạt động
- Xây dựng kế hoạch hoạt động
- Tổng kết và bế mạc

Vào cuối Hội thảo các thành viên tham gia với vai trò của các bên liên quan trong phát triển kinh tế của tỉnh sẽ xây dựng được một kế hoạch chiến lược nhất quán, làm cơ sở để từ đó cùng nhau nỗ lực chung trong việc khai thác các tiềm năng và hoạt động phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Bình. Kế hoạch chiến lược này sẽ được thực hiện bởi các bên liên quan và tiến độ thực hiện sẽ được đánh giá và xem xét vào đầu năm 2006.

Phụ lục 3: Chương trình Hội thảo PTKTĐP (chi tiết)

Ngày 1				
Bắt đầu	Kết thúc	Khoảng thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
07:30	08:05	00:35	Đăng ký đại biểu	
08:05	08:35	00:30	Khai mạc	UBND tỉnh; HJW
08:35	08:55	00:20	Giới thiệu các thành viên tham gia Hội thảo	Hồng
08:55	09:25	00:30	Giới thiệu tổng quan về PTKTĐP	EB
09:25	09:45	00:20	lồng ghép việc lập kế hoạch PTKTĐP vào quy trình lập kế hoạch của tỉnh	Hồng
09:45	10:05	00:20	Giới thiệu chương trình và mục tiêu Hội thảo	EB
10:05	10:10	00:05	giới thiệu việc sử dụng metaplan cards	EB
10:10	10:25	00:15	nghỉ giữa giờ	
10:25	11:25	01:00	Bài tập sáng tạo	EB
11:25	11:25		Phân tích các bên liên quan	
11:25	11:35	00:10	1. tầm quan trọng của các bên liên quan và phương pháp có sự tham gia	EB
11:35	11:40	00:05	2. kết quả đánh giá các bên liên quan	Hồng
11:40	11:55	00:15	3. làm việc theo nhóm về các mối quan tâm chính và các đóng góp có tiềm năng chính	Hồng
11:55	13:25	01:30	Nghỉ trưa	
13:25	13:55	00:30	3. làm việc theo nhóm về các mối quan tâm chính và các đóng góp có tiềm năng chính	Hồng
13:55	14:10	00:15	4. các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm và thảo luận chung	Hồng
14:10	14:25	00:15	biểu đồ lĩnh vực về quyền; giải thích và xác định vị trí của các đại biểu từ các cơ quan, ban ngành	EB
14:25	14:55	00:30	Tóm tắt nguyên cứu đánh giá về PTKTĐP - thảo luận	Hồng
14:55	16:25	01:30	Đánh giá tình hình, làm việc theo nhóm:	
14:55	16:25	01:30	a. tổng quan đánh giá tình hình địa phương	Hồng
14:55	16:25	01:30	b. phân tích về sự phối hợp và cạnh tranh	Tường
14:55	16:25	01:30	c. phân tích kênh cung cấp và thị trường	EB
16:25	16:40	00:15	chuẩn bị phần tóm tắt để trình bày của các nhóm nghỉ giữa giờ kết hợp làm việc theo nhóm	Các nhóm . . .
Ngày 2				
Bắt đầu	Kết thúc	Khoảng thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
08:00	08:10	00:10	Tóm tắt nội dung ngày 2 - khởi động	Tường
08:10	09:10	01:00	Trình bày kết quả thảo luận nhóm và thảo luận chung về kết quả của các nhóm	each group
09:10	09:30	00:20	giới thiệu phương pháp SWOT	EB
09:30	09:50	00:20	nghỉ giải lao	
09:50	10:30	00:40	Làm việc theo nhóm	
10:30	10:30		~ điểm mạnh	Hồng

10:30	10:30	~ điểm yếu	Tường
10:30	10:30	~ cơ hội	EB
10:30	10:30	~ mối đe dọa	Cô Nhã
10:30	11:30	01:00 Trình bày kết quả thảo luận nhóm và thảo luận chung về kết quả của các nhóm	Hồng
11:30	13:30	02:00 nghỉ trưa	
13:30	13:30	Giới thiệu “Viễn cảnh”	
13:30	13:40	00:10 1. Giới thiệu vấn đề	EB
13:40	13:45	00:05 2. các ý tưởng cá nhân	EB
13:45	14:15	00:30 3. Viễn cảnh xây dựng theo nhóm	Hồng
14:15	14:30	00:15 4. trình bày và phân nhóm thảo luận	EB
14:30	14:40	00:10 giải thích “vấn đề - phương án – hành động”	EB
14:40	15:25	00:45 thảo luận theo phương pháp động não về danh sách các vấn đề trong PTKTĐP	EB
15:25	15:45	00:20 Nghỉ giải lao	
15:45	15:45	Xác định các mục tiêu	
15:45	16:00	00:15 1. giải thích “mục tiêu” và quy tắc SMART	EB
16:00	16:40	00:40 2. thảo luận theo nhóm về các mục tiêu	Hồng
16:40	17:00	00:20 3. trình bày các kết quả thảo luận nhóm	Hồng

Trình bày và phân “danh sách hành động”
 từng cá nhân lập “danh sách hành động”
 Bài tập về nhà

Ngày 3

Bắt đầu	Kết thúc	Khoảng thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
07:30	08:00	00:30	4. thống nhất các mục tiêu (thảo luận chung)	tất cả + HJW
08:00	08:05	00:05	giới thiệu nội dung Ngày - khởi động	Tường
08:05	08:20	00:15	Trình bày và thảo luận vấn đề “viễn cảnh”	Các nhóm; EB
08:20	08:20		Xác định hành động/các tiêu mục tiêu “dự án”	
08:20	08:35	00:15	Trình bày và thống nhất mục tiêu chung	EB
08:35	09:50	01:15	1. động não về các hành động có khả năng / "các dự án"	EB
09:50	10:00	00:10	2. Pareto: xác định thứ tự ưu tiên - 8 mục tiêu / "dự án"	EB
10:00	10:15	00:15	nghỉ giải lao	
10:15	10:15		Lập kế hoạch hành động	
10:15	11:30	01:15	thảo luận nhóm: xây dựng các hành động cho mỗi “dự án”	EB
11:30	13:00	01:30	Nghỉ trưa	
13:00	13:30	00:30	thảo luận nhóm (tiếp): xây dựng các hành động cho mỗi “dự án”	EB
13:30	14:50	01:20	Tổng kết Hội thảo: bao gồm cả trình bày kết quả thảo luận nhóm và thảo luận chung lần cuối, hoàn thành kế hoạch	EB, Tường
14:50	15:20	00:30	thống nhất về các bước tiếp theo	EB
15:20	15:30	00:10	phản hồi từ các đại biểu	tất cả
15:30	15:50	00:20	Bế mạc	UBND tỉnh, HJW
15:50	15:55	00:05	Chụp ảnh các đại biểu, thành viên tham gia Hội thảo	tất cả

Phụ lục 4: Danh sách các địa biểu, thành viên tham dự Hội thảo

No.	Full name	Function	Organization
20.	Bà Phạm Thị Bích Lụa	Phó chủ tịch	UBND tỉnh Quảng Bình
21.	Ông Lê Văn Phúc		Phòng Kinh tế tổng hợp, UBND tỉnh Quảng Bình
22.	Bà Bùi Thị Tuyến	Giám đốc	Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình
23.	Ông Lê Thế Lực	Trưởng Phòng	Phòng xúc tiến đầu tư, Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình
24.	Ông Nguyễn Hoài Nam	Chuyên viên	Phòng Đối ngoại, Sở KHĐT QB
25.	Bà Đoàn Thị Hương	Chuyên viên	Phòng Đối ngoại, Sở KHĐT QB
26.	Ông Nguyễn Vinh /	Giám đốc	Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Bình
27.	Ông Lê Vĩnh Thế	Chuyên viên	Phòng Quản lý thương mại, Sở Thương mại Du lịch tỉnh Quảng Bình
28.	Ông Trần Văn Tuấn	Phó giám đốc	Sở NN&PTNT Quảng Bình
29.	Ông Lê Công Đăng	Chuyên viên	Sở NN&PTNT Quảng Bình
30.	Ông Mai Trọng Bình		Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Bình
31.	Ông Nguyễn Xuân Tuyến	Giám đốc	Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh Quảng Bình
32.	Ông Nguyễn Văn Long	Giám đốc	Sở GTVT tỉnh Quảng Bình
33.	Ông Võ Khắc Hoà	Chủ tịch	UBND huyện Lệ Thủy
34.	Ông Trần Hải Châu	Phó chủ tịch	UBND huyện Quảng Ninh
35.	Ông Võ Hồng Quân	Phó chủ tịch	UBND thành phố Đồng Hới
36.	Ông Nguyễn Cẩm Sơn	Chủ tịch	UBND huyện Bố Trạch
37.	Ông Phan Ngọc Sơn	Chủ tịch	UBND huyện Quảng Trạch
38.	Ông Hồ Thanh Ngọc	Phó chủ tịch	UBND huyện Tuyên Hoá
39.	Ông Đinh Phúc Minh	Trưởng phòng	Phòng KH-TC, UBND Minh Hoá

40.	Bà Võ Thị Thoài	Giám đốc	Công ty Du lịch Quảng Bình
41.	Ông Đinh Văn Cam	Phó giám đốc	Công ty Lâm công nghiệp Bắc Quảng Bình
42.	Ông Trần Công Trắc	Phó giám đốc	Công ty Du lịch và Nước khoáng Bang, COSERVO
43.	Ông Nguyễn Văn Sỹ	Giám đốc	Công ty TNHH Đức Thắng
44.	Ông Võ Ninh Hoài	Giám đốc	Tổng công ty TNHH Xây dựng Trường Thịnh
45.	Bà Phí Thị Minh Châu	Chủ tịch	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Bình
46.	Ông Trần Hoàng Giang	Chủ tịch	Hiệp hội các HTX tỉnh Quảng Bình
47.	Ông Trần Ngọc Lan	Giám đốc	Dự án QLBV NTNTN – MT
48.	Ông Ts. Hans Juergen Wiemer	CTA	Dự án QLBV NTNTN - MT
49.	Bà Marianne Meijboom	Cố vấn kỹ thuật (chuyên gia DED)	Dự án QLBV NTNTN - MT
50.	Bà Võ Nguyễn Khánh Nhã	Cán bộ chương trình	Chương trình Hành động Giảm nghèo AP2015 (GTZ)
51.	Ông Nguyễn Tiến Liêu	Giám đốc	HTX Nông nghiệp Cổ Cảng
52.	Bà Lê Thị Hương	Giám đốc	Doanh nghiệp Xây dựng tổng hợp Hương Sơn
53.	Ông Đinh Xuân Huy	Giám đốc	HTX sản xuất vật liệu xây dựng Huy Hoàng
54.	Ông Đinh Long	Trưởng CLB	Câu lạc bộ Nuôi ong xã Xuân Hoá, huyện Minh Hoá
55.	Ông Nguyễn Minh Tân	Trưởng Phòng	Phòng Nông nghiệp Địa chính huyện Tuyên Hoá
56.	Ông Trương Anh Hùng	Phó Phòng	Phòng Nông nghiệp Địa chính huyện Minh Hoá
57.	Ông Victor Pinga	Giám đốc Chương trình	Tổ chức Counterpart International – Văn phòng tại Quảng Bình
58.	Ông Ngô Thanh Tùng	Tư vấn Phát triển kinh tế	Dự án Phát triển Đô thị Đồng Hới, SDC tại Quảng Bình

Nhóm Hỗ trợ Hội thảo			
59.	Ông Eberhard Baerenz	Chuyên gia về PTKTĐP	Tư vấn
60.	Ông Phạm Văn Hồng	Chuyên gia – Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp	Vietnam VCCI
61.	Ông Trang Hiếu Tường	Chuyên gia phi nông nghiệp	Dự án QLBV NTNTN - MT
62.	Ông Đoàn Ngọc Lương	Cán bộ chuyên trách phi nông nghiệp	Dự án QLBV NTNTN - MT
63.	Bà. Phạm Thị Liên Hoà	Quản lý văn phòng	Dự án QLBV NTNTN - MT

Phụ lục 5: Các vấn đề Phát triển được các đại biểu đưa ra trong Hội thảo

Chính sách Policies	<ul style="list-style-type: none"> - Cải cách hành chính - Dân chủ cơ sở - Giảm nghèo - Khoảng cách giàu nghèo - Sự tham gia của cộng đồng vào PTKTĐP - Gian lận thị trường - Buôn lậu - chảy máu chất xám - chính sách đầu tư - Hiệu quả đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> - PAR - Grassroots-level democracy - Poverty reduction - Poor-rich gap - Community participation in LED - Illegal business transactions - Smuggling - Brain drain - Investment policies - Investment efficiency
Phát triển kinh tế tư nhân Development of private economy	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển kinh tế tư nhân - Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp - Tìm kiếm thị trường - Nâng cao chất lượng sản phẩm - Hỗ trợ xuất khẩu - Nâng cao năng lực doanh nghiệp - Thành lập hiệp hội doanh nghiệp - Kinh tế HTX 	<ul style="list-style-type: none"> - Development of private economy - Competition capacity of enterprises - Seeking for markets - Increased product quality - Support to export - Increase of enterprise capacity - Establishment of enterprises associations - Cooperative economics
Phát triển các ngành nghề tiềm năng, tạo thu nhập Development of potential off-farm activities, income generation	<ul style="list-style-type: none"> - Du lịch - Nuôi trồng thủy sản - Tạo thu nhập - Ngành nghề phụ - Phát triển làng nghề - Hỗ trợ sản xuất - Tăng dịch vụ - Công nghiệp chế biến - Phát triển công nghiệp nặng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tourism - Aquaculture - Income generation - Off-farm activities - Development of craft villages - Support to production - Services increased - Processing industry - Development of heavy industry
TNTN môi trường Bảo vệ môi trường Natural Resources and Environment	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý bền vững TNTN - Cơ cấu cây trồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Sustainable management of natural resources - Cropping structure change with appropriateness
Cơ sở hạ tầng nền kinh tế Infrastructure for economy	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống ngân hàng - Cơ sở hạ tầng giao thông - Tín dụng nông nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Banking system - Transporting infrastructure - Agricultural credit
Phát triển kỹ năng Skill development	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nghề - Đào tạo phổ thông - Công nghệ cho nông dân - Lao động được đào tạo 	<ul style="list-style-type: none"> - Vocational training - Basic education - Technologies for farmers - Trained laborers

Phụ lục 6: Kế hoạch hành động của các Dự án được lựa chọn

Dự án 1: Phát triển nguồn nhân lực

Các hoạt động	Quy mô	Thời gian thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Nguồn vốn
Đại học Quảng Bình (dân lập)	01	2005-2009	UBND tỉnh	- Sở Tài chính - Sở Giáo dục - Sở KH&ĐT	Trung ương Địa phương Dự án ODA Khác
Trung tâm đào tạo doanh nhân	01	2006-2007	Liên minh HTX	VCCI	Ngân sách tỉnh Các doanh nghiệp Dự án
Nâng cấp trường Trung học – Cao đẳng	03	2005-2007	Sở GD-ĐT	Sở KH&ĐT Sở TGVT	Trung ương Ngân sách tỉnh Đóng góp của học viên
Xâu dựng Trung tâm dạy nghề	06	2005-2006	Phòng Tổ chức Xã hội	Phòng KH-TC	Ngân sách huyện Dự án
Xây dựng Trung tâm Học tập Cộng đồng cơ sở	80	2005-2007	UBND xã	Phòng GD huyện	Ngân sách Huyện + xã
Chương trình thu hút nhân tài	20 người/năm	2005-2010	UBND tỉnh	Các ngành liên quan	Ngân sách Tỉnh Quỹ Khuyến học
Chương trình Du học	30 người / năm	2005-2010	Sở Ngoại vụ	Các ngành liên quan	Quỹ khuyến học Tài trợ Người đi học Khác

Dự án 2: Phát triển Du lịch Quảng Bình

Các hoạt động	Ai thực hiện	Cơ quan phối hợp	Khung thời gian thực hiện	Nguồn vốn
Quy hoạch du lịch tổng thể	Sở TMDL Tư vấn	Sở KH&ĐT Sở Xây dựng Sở Tài nguyên và Môi trường	2005-2006	Nhà nước ODA
Đào tạo kỹ năng phục vụ phát triển du lịch	Trường đào tạo nghề và các trung tâm bên ngoài	Sở TMDL Các công ty Hiệp hội	Thường xuyên	Các công ty Nhà nước hỗ trợ Hiệp hội
Thành lập Hiệp hội Du lịch, Khách sạn	Các công ty tự nguyện tham gia thành lập		2005-2006	Các công ty
Khảo sát, nghiên cứu thị trường về du lịch	Sở TMDL Các công ty		Thường xuyên	
Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch và dịch vụ	Sở TMDL Hiệp hội DLKS Các công ty tư nhân			
Tăng cường chiến lược quảng bá				
Phát triển sản xuất, tiếp thị hành lưu niệm				
Đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch (đường bộ, liên lạc, sân bay ...)	Sở GTVT Bưu điện Sở Xây dựng Sở TM&DL	UBND tỉnh Các Sở liên quan		Trung ương Các công ty nhà nước, địa phương

Dự án 3: Thu hút đầu tư

Chương trình	Quy mô	Ai thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian bao lâu	Nguồn vốn
Hoàn chỉnh chính sách đầu tư		Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành	Q 1, 2006	Ngân sách tỉnh
Chuẩn bị các ấn phẩm quảng bá về Quảng Bình		Sở KH&ĐT	Sở Văn hóa & Thông tin Sở TMDL	Q 1, 2006	Ngân sách tỉnh
Xây dựng trang web giới thiệu cơ hội đầu tư Quảng Bình		Sở KH&ĐT	Sở KH&CN	Q 1, 2006	Ngân sách tỉnh
Lập danh mục 100 dự án đầu tư trọng điểm	100 dự án	Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành	Q 1, 2006	Ngân sách tỉnh
Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước		Sở KH&ĐT	Các Bộ liên quan	2007	Ngân sách tỉnh
Thành lập văn phòng xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước		Sở Ngoại vụ	Sở KH&ĐT Sở Nội vụ	Q IV, 2006	Ngân sách tỉnh
Nâng cao năng lực cho cán bộ xúc tiến đầu tư		Sở KH&ĐT	Cục Đầu tư nước ngoài	Q II, 2006	AP2015 (GTZ)

Dự án 4 và 5: Phát triển Công nghiệp Sản xuất vật liệu xây dựng

Chương trình	Quy mô	Ai thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian bao lâu	Nguồn vốn
Đầu tư nhà máy nghiền Clinker (1 nhà máy)	3,5 triệu tấn/năm	Sở KH&ĐT	Sở Công nghiệp	2008	FDI / DI
Đầu tư nhà máy sản xuất xi măng (2 nhà máy)	1,5 triệu tấn/năm	Sở KH&ĐT	Sở Công nghiệp Các Sở liên quan	2009	FDI / DI
Nhà máy tinh luyện măng gan	1 nhà máy	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban ngành liên quan	2007	Liên doanh
Đầu tư nhà máy SX vật liệu xây dựng từ Silic	2 nhà máy	Sở KH&ĐT	Sở Công nghiệp Các Sở liên quan	2009	Liên doanh
Đầu tư nhà máy sứ thủy tinh cách điện	1 nhà máy	Sở KH&ĐT	Sở Công nghiệp Các Sở liên quan	2008	Liên doanh

Dự án 6 và 7: Phát triển Thủy sản nông thôn

Chương trình	Quy mô	Ai thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian bao lâu	Nguồn vốn
Nông nghiệp và phát triển nông thôn					
Kiên cố hoá kênh mương	500 km	Ban quản lý thôn	Phòng NN&PTNT huyện	09/2008	Ngân sách Tỉnh Huyện Dân
Nâng cấp đường nông thôn	700 km	Ban Quản lý Dự án (tỉnh, huyện, xã)	Phòng CN&XD huyện	05/2010	Tỉnh, huyện + dân WB, ADB, IFAD
Nâng cấp hệ thống chợ nông thôn	50 chợ	Ban Quản lý Dự án huyện	Sở TMDL	10/2007	Tỉnh, huyện + dân IFAD
Mô hình nuôi tôm kết hợp chân ruộng lúa	700 ha	Hộ nông dân	Trung tâm Khuyến ngư	12/2008	Vốn dân Vay tín dụng
Mô hình áp dụng thâm canh lúa chất lượng cao	3000 ha	Hộ nông dân	Trung tâm KN-KL tỉnh	12/2010	Vốn dân + Vay tín dụng
Áp dụng mô hình lợn siêu nạc	11 trang trại (300 con/trang trại)	Chủ trang trại	Trung tâm KN-KL tỉnh	12/2007	Vốn vay + dân
Thủy sản					
Xây dựng khu chế biến hải sản xuất khẩu	3 cụm	Ban Quản lý Dự án tỉnh	Sở Thủy sản	12/2009	Ngân sách tỉnh
Thiết lập và giám sát quy trình về đánh bắt hải sản	1 hệ thống	Sở Thủy sản	Sở Tư pháp	12/2006	Ngân sách trung ương
Nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ cho các đội tàu	40 đội tàu	HTX đánh cá	Liên minh HTX tỉnh	12/2009	Quỹ Hỗ trợ và Phát triển
Áp dụng mô hình nuôi tôm trên cát	300 ha	Hộ sản xuất và doanh nghiệp	Trung tâm Khuyến ngư tỉnh	12/2006	Vốn vay + dân tự có

Phụ lục 7: Kế hoạch hoạt động

Dự án Quản lý bền vững
nguồn TNTN Miền Trung

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Giai đoạn: 04/2005 - 03/2006

Kết quả 4: Các cơ hội tạo thu nhập thông qua chế biến, tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp và các sản phẩm từ rừng phi gỗ được hỗ trợ bình đẳng cho cả nam và nữ.

Stt.	Hoạt động	Cơ quan thực hiện/ Đối tác	Khung thời gian												Dự toán chi phí / Dòng ngân sách						
			2005												2006			Hỗ trợ địa phương	Tập huấn	Tư vấn địa phương	Tư vấn quốc tế
			T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T1	T2	T3	Euro	Euro	Ngày công	Ngày công			
4,1	Hỗ trợ Lập kế hoạch chiến lược Phát triển kinh tế địa phương																				
4.1.1	Tiếp tục các hoạt động tiếp theo của quá trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP ở cấp tỉnh																				
4.1.1.1	Dự thảo tài liệu hội thảo	Các CG tư vấn																			
4.1.1.2	Thảo luận, chỉnh sửa và hoàn chỉnh tài liệu Hội thảo	Các CG tư vấn và Sở KH&ĐT																			
4.1.1.3	Cùng với Sở KH và ĐT theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch PTKTĐP	Sở KH&ĐT																			
4.1.1.4	Tổ chức Hội thảo tiếp nối về Lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP cấp tỉnh (Trên cơ sở nhu cầu và tiến trình thực hiện)	UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, chuyên gia tư vấn																			
4.1.2	Tổ chức Hội thảo lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP ở cấp huyện																500		26		

4.2.4	Chế biến và đan lát mây tre																			
4.2.4.1	Xác định và đánh giá và đề xuất đối với việc khai thác và sử dụng nguồn nguyên liệu mây tre trên địa bàn hai huyện.	Cố vấn kỹ thuật của DED																		Co Re
4.2.4.2	Liên hệ và tìm kiếm các kênh tiêu thụ tiềm năng																			
4.2.4.3	Hỗ trợ việc liên hệ các kênh tiêu thụ thông qua việc kết nối giữa người sản xuất và khách hàng (bao gồm việc tham quan tìm hiểu thị trường cho các thợ thủ công giỏi)																			
4.2.4.4	Tổ chức các lớp tập huấn sản xuất các sản phẩm theo yêu cầu (Khi các kênh tiêu thụ được thiết lập thành công)	Cố vấn kỹ thuật của DED, Nhóm HTKT																		exp use DE
4,3	Phát triển cụm nghề nuôi ong (Bắt đầu tại huyện Minh Hóa)																			
4.3.1	Củng cố và nâng cao năng lực của các câu lạc bộ nuôi ong hiện có	Nhóm HTKT																		
4.3.2	Hỗ trợ việc thành lập Hiệp hội nuôi ong huyện Minh Hóa thông qua việc liên kết các câu lạc bộ nuôi ong.	Nhóm HTKT																		
4.3.3	Giới thiệu và hình thành Hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm.	Nhóm HTKT																		
4.3.4	Giới thiệu chứng nhận nhãn hiệu và thương hiệu sản phẩm	Nhóm HTKT																		
4,4	Chuỗi giá trị																			
4.4.1	Nắm ăn																			

Phụ lục 8: Phát triển Kinh tế Địa phương tại Việt Nam / Chương trình Phát triển các Doanh nghiệp vừa và nhỏ của GTZ

Phối hợp với Bộ KHĐT và các đối tác khác, tổ chức GTZ đã và đang thực hiện dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu tổng thể “nâng cao tính cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam”. Dự án được thực hiện dựa trên 4 hợp phần sau:

- Tạo môi trường và xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Phát triển Kinh tế địa phương
- Khả năng cạnh tranh của các Chuỗi giá trị và các khu vực kinh doanh
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật nâng cao

Dự án tập trung thực hiện tại bốn tỉnh được chọn lựa: Hưng Yên (miền Bắc), Quảng Nam (miền Trung), Đắk Lắk (Cao nguyên), và An Giang (miền Nam) - với định hướng phổ biến các kinh nghiệm đạt được tại cấp quốc gia và cấp khu vực.

Phát triển Kinh tế địa phương là một hợp phần chính trong các hoạt động dự án mà qua đó tập trung vào những nguyên tắc chính trong PTKTĐP đã được chấp nhận chung. Tuy nhiên, phương pháp thực hiện của dự án Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ lại hơi khác với phương pháp được áp dụng tại tỉnh Quảng Bình:

- PTKTĐP áp dụng trong khuôn khổ dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ được dựa trên phương pháp PACA – một phương pháp có sự tham gia tập trung nhiều nỗ lực vào việc đánh giá các tiềm năng. PACA đã được xây dựng và thử nghiệm một cách toàn diện trên toàn thế giới. Phương pháp này áp dụng những công cụ mới, mang tính sáng tạo trong đánh giá tình hình và tiềm năng có sự tham gia nhưng lại lược bỏ khía cạnh lập kế hoạch chiến lược, xác định dự án trong khuôn khổ các chính sách và khâu thực hiện đang tiến hành.
- Quá trình này bắt đầu từ các hội thảo xây dựng nhận thức trong khoảng thời gian từ 1 đến 5 ngày, liên quan đến nhiều công việc hiện trường để xác định định hướng hành động trong kinh tế địa phương.
- Phương pháp và quy trình này đòi hỏi công việc đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ và giảng viên tham gia đánh giá cũng như đội ngũ nhân lực đông, kể cả các chuyên gia tiến hành công việc thực địa / hội thảo và tổ chức các cuộc hội thảo cụ thể với cộng đồng địa phương.
- Kết quả của quá trình này là những ý tưởng có tính thực tế ngắn hạn, hướng đến tác động nhanh chóng, trong đó không dính dáng nhiều đến khía cạnh tổng hợp về phát triển khu vực (hoặc địa phương).

Phương pháp đánh giá định hướng hành động thường mang lại giá trị thông qua việc tạo ra được nhiều ý tưởng phát triển mới. Và mỗi một khi được các bên tham gia chấp thuận thì tác động của những ý tưởng đó có thể rất sâu rộng.

Từ trước đến nay, Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ đã tiến hành các bước sau đây:

- Đào tạo, tập huấn các cán bộ hướng dẫn về PACA,
- Thành lập các đội ngũ PACA,
- tổ chức nhiều hội thảo huy động và phổ biến phương pháp,
- tiến hành áp dụng thí điểm tại một huyện thuộc tỉnh An Giang, qua đó đã
- xác định được 3 hành động,
- phân tích một chuỗi giá trị, và
- lập kế hoạch hành động đối với mỗi yếu tố chuỗi giá trị.

Dự án QLBV NTNTN – MT đã lựa chọn phương pháp luận PTKTĐP của Ngân hàng thế giới và các Tổ chức của Liên Hợp quốc, tương thích với phương pháp PACA về các nguyên tắc chính. Nó có những thuận lợi có thể so sánh với PACA như sau:

- Các phương án đưa ra trên cơ sở thảo luận chung và có thể lồng ghép vào các kế hoạch phát triển đang triển khai như kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm. Các ý tưởng có thể ít mang tính sáng tạo hơn nhưng lại có thể dễ dàng so sánh hơn thông qua các cơ chế lập kế hoạch từ trên xuống và theo truyền thống như ở Việt Nam.
- Kết quả phản ánh các định hướng hiện tại, bổ sung với những ý tưởng mới, ví dụ như sự chấp nhận và tuân thủ của các bên liên quan. Khung lập kế hoạch (xem Chu kỳ Lập kế hoạch chiến lược PTKTĐT ở trên) tạo điều kiện tổng hợp các phương án chọn lựa thành chiến lược phát triển - mặc dầu kỳ hạn đưa ra có thể tạo ra những mong đợi không thực tế vào thời điểm ban đầu. Phương pháp này cần ít nguồn lực hơn và vì thế dễ dàng hơn trong việc áp dụng.

Trong các trường hợp có quá ít nguồn lực đối với PTKTĐP thì dường như sẽ thích hợp hơn khi cho rằng các cơ cấu lập kế hoạch truyền thống sẽ mang tính cấp bách hơn, và kết quả trong đợi lại chung chung và định hướng phát triển địa phương một cách tổng hợp hơn là xác định các ý tưởng rõ ràng.

Trong trường hợp đối với tỉnh Quảng Bình thì phương pháp này còn hướng tác động đến hai cấp khác nhau: Chính quyền tỉnh và các bên liên quan - những đối tượng cần được giới thiệu về quy trình dài hơn về một mặt và tại cấp huyện về mặt khác với quan tâm xác định ra các dự án mang tính tổng hợp, quy mô nhỏ và mang lại tác động nhanh hơn.

Phụ lục 9: Đánh giá các bên liên quan đối với PTKTĐP

Việc xem xét các đối tượng cần tham gia vào quy trình lập kế hoạch là rất quan trọng nhưng lại là một việc tế nhị. Trong khuôn khổ phương pháp PTKTĐP có sự tham gia thì các đối tượng tham gia không phải là những yếu tố để trang trí, chỉ thừa nhận và chấp nhận các kế hoạch mà là phải là lực lượng chèo lái các đối tượng tham gia một cách tích cực vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện. Vì thế, việc xác định các đối tượng tham gia được dựa trên nhiều tiêu chuẩn như sau:

- tổng hợp thành phần từ các nhóm khác nhau: thành phần nhà nước, thành phần kinh doanh, các tổ chức lao động, các tổ chức phi chính phủ;
- đối tượng liên quan đến vấn đề (trong lần đầu thì loại vấn đề này thường rất mở, có thể cho phép sự tham gia của tất cả mọi người. Vì thế, nhiệm vụ ở đây là cần đánh giá để xem đối tượng đó liên quan như thế nào đối với vấn đề phát triển kinh tế chiến lược của tỉnh);
- đối tượng có chức vụ chính thức (chủ yếu liên quan đến vị trí ra quyết định);
- vị trí chức năng (sự tín nhiệm của công chúng, nhu cầu và mối quan tâm);
- mang tính kiểm soát đối với các nguồn vốn liên quan (cần thiết để thực hiện những hành động có thể; chủ yếu là vốn nhân lực và vốn tài chính);
- có quyền hạn thúc đẩy (hoặc ngược lại nếu không bao gồm).

Khó khăn trong việc đánh giá, và tiếp đó là lựa chọn chủ yếu nằm ở chỗ loại trừ các thành viên tham gia có tiềm năng. Do Hội thảo tập trung giới thiệu về phương pháp và khởi đầu quy trình lập kế hoạch có sự tham gia như một phương pháp bổ sung cho quy trình lập kế hoạch theo cách truyền thống xưa nay tại cấp tỉnh, thì rõ ràng cần nhiều thành viên từ các tổ chức nhà nước tham gia vào hội thảo. Nhưng cũng cần phải chỉ rõ rằng đối với các sáng kiến SEC thì việc đánh giá các bên liên quan cần đưa ra các kết quả mang tính phân tích sâu hơn và ít mang tính mô tả hơn:

- các chỉ tiêu đánh giá cần được xác định thông qua việc phối hợp các ban quản lý dự án;
- đánh giá các tiêu chí cần chỉ ra được các tổ chức tham gia có tiềm năng theo thứ tự;
- việc kết luận danh sách thành viên mời tham dự hội thảo cần được xem xét kỹ hơn.

Trên cơ sở thảo luận với dự án và như đã đề cập trong phần báo cáo, thì cần tổ chức cuộc họp trao đổi thông tin với thời gian một ngày làm cơ sở cho việc tự đánh giá các thành viên có tiềm năng, với hiệu quả song hành: thứ nhất, là những mong đợi liên quan đến kết quả hội thảo và sau này là sự tham gia vào các bước tiếp nối cần rõ ràng hơn, và thứ hai là cần nhiều tổ chức, đơn vị liên quan hơn và tích cực hơn tham gia vào hội thảo.

Phụ lục 10: Phân tích tình hình đối với PTKTĐP

Phân tích tình hình nhằm làm rõ các mối quan hệ kinh doanh và mạng lưới tổ chức trong và giữa các địa phương, vùng và các khu vực khác trên thế giới. Việc phân tích tình hình xem xét đến các sự kiện và xu hướng kinh tế, xem xét nền tảng kinh tế và nền kinh tế của địa phương giữ chức năng gì. Điều này đòi hỏi sự hiểu rõ các doanh nghiệp kinh doanh tại địa phương, họ sản xuất những sản phẩm gì, mua đầu vào ở đâu. Nó cũng xem xét tình hình kinh tế trước đây và hiện tại của địa phương nhằm đưa ra cơ sở dữ liệu để xác định và xác định ưu tiên đối với các vấn đề quan trọng cần xem xét trong các kế hoạch phát triển trong thời gian tới.⁸

Tài liệu được giới thiệu trong hội thảo được chuẩn bị với kinh phí và thời gian hạn hẹp và dựa trên cơ sở các tài liệu được sử dụng chung, phần nào được viết dưới dạng các tài liệu tiếp thị. Vì thế, tài liệu này không có mấy sáng tạo từ những thông tin đưa ra. Bên cạnh phần tóm tắt quan trọng các thông tin chung về kinh tế và cụ thể về các ngành, thì tài liệu này chưa phải là một đầu vào quan trọng.

PACA là một phương pháp PTKTĐP hướng đến nhiều nguồn vốn nhằm đưa ra kết quả - đôi lúc – là các vấn đề phát triển đáng chú ý. Nhưng như đã nói rõ, hội thảo chủ yếu tập trung giới thiệu về PTKTĐP tại cấp chính quyền cao hơn nhằm bổ sung cho quy trình lập kế hoạch năm năm đang được thực hiện với phương pháp có sự tham gia. Mà theo đó, việc tập trung nội dung trong hội thảo không tạo ra các ý tưởng thiên tài mà nhằm định hướng nỗ lực chung trong lập kế hoạch chiến lược trong hội thảo.

Phương pháp PTKTĐP đã được lựa chọn không chỉ nhằm vào tính năng động của các nhóm trong hội thảo là xác định các ý tưởng phát triển kinh tế hơn là các đề xuất bên ngoài cần thảo luận và xây dựng rõ. Tuy nhiên, các sáng kiến SEC trong thời gian tới được đề xuất:

- xây dựng cơ cấu báo cáo theo cách tập trung hơn (tập trung các ý chính và ít viết dòng dài);
- rút ra các ý tưởng về tiềm năng phát triển từ các thông tin cơ bản từ phần thảo luận nội bộ;
- áp dụng công cụ phân tích vấn đề nhằm xác định rõ những khó khăn và thuận lợi một cách có hệ thống.

⁸ Tham khảo Cẩm nang hướng dẫn về PTKTĐP - Bước 3